



**BAKER TILLY
A&C**

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN
AUDITING AND CONSULTING CO., LTD.**



BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

TỪ NGÀY 01 THÁNG 01 NĂM 2012 ĐẾN NGÀY 30 THÁNG 06 NĂM 2012

**CÔNG TY CỔ PHẦN
CHỨNG KHOÁN VNDIRECT**



an independent member of
**BAKER TILLY
INTERNATIONAL**

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 - 4
3. Báo cáo soát xét	5
4. Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 06 năm 2012	6 - 9
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 đến ngày 30 tháng 06 năm 2012	10
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 đến ngày 30 tháng 06 năm 2012	11 - 12
7. Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 đến ngày 30 tháng 06 năm 2012	13
8. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 đến ngày 30 tháng 06 năm 2012	14 - 32

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDirect (sau đây gọi tắt là “ Công ty”) trình bày Báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 đến ngày 30 tháng 06 năm 2012 đã được soát xét.

Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDirect hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103014521 ngày 07 tháng 11 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp. Công ty tiến hành các hoạt động kinh doanh chứng khoán theo Giấy phép hoạt động kinh doanh số 101/UBCK-GP ngày 31 tháng 12 năm 2007 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp.

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã 08 lần thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp bổ sung Giấy phép kinh doanh chứng khoán số 301/UBCK-GPĐCCTCK.

Vốn điều lệ theo Giấy phép kinh doanh chứng khoán thay đổi lần thứ 8 là 999.990.000.000 VND.

Trụ sở hoạt động

Địa chỉ : Số 1, phố Nguyễn Thượng Hiền, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội
Điện thoại : 04 3941 0510
Fax : 04 3941 0500
Website : www.VNDirect.com.vn
Mã số thuế : 0102065366

Đơn vị trực thuộc:

Chi nhánh TP Hồ Chí Minh

Địa chỉ : Phòng 602, Tòa nhà FIDECO, 81-85 Hàm Nghi, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh
Điện thoại : 08 9 146 925
Fax : 08 9 146 954

Chi nhánh Đà Nẵng

Địa chỉ : Số 122 Quang Trung – phường Thạch Thang, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng
Điện thoại : 0511 382 1111
Fax : 0511 389 8616

Chi nhánh Nghệ An

Địa chỉ : Số 72 Lý Thường Kiệt, thành phố Vinh, Nghệ An
Điện thoại : 0388 601 327
Fax : 0388 601 324

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là: Môi giới chứng khoán, tư vấn tài chính và đầu tư chứng khoán, tự doanh chứng khoán, bảo lãnh phát hành chứng khoán và lưu ký chứng khoán.

Tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh

Tình hình tài chính tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2012, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 đến ngày 30 tháng 06 năm 2012 của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm báo cáo này (từ trang 06 đến trang 32).

Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào xảy ra sau ngày 30 tháng 06 năm 2012 cho đến thời điểm lập Báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VNDIRECT

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Thành viên Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm</u>	<u>Ngày miễn nhiệm</u>
Bà Phạm Minh Hương	Chủ tịch	11/11/2006	
Bà Nguyễn Ngọc Thanh	Ủy viên	11/11/2006	
Ông Vũ Hiền	Ủy viên	26/03/2009	
Ông Võ Văn Hiệp	Ủy viên	23/04/2011	
Bà Đỗ Thanh Hương	Ủy viên	23/04/2011	28/04/2012
Ông Nguyễn Hoàng Giang	Ủy viên	28/04/2012	

Ban Kiểm soát

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm</u>	<u>Ngày miễn nhiệm</u>
Ông Nguyễn Tổng Sơn	Trưởng ban	14/05/2012	
Bà Lê Thị Hồng Lĩnh	Trưởng ban	23/04/2011	14/05/2012
Bà Huỳnh Thanh Bình Minh	Thành viên	23/04/2011	
Bà Lê Thị Hương Mai	Thành viên	23/04/2011	28/04/2012
Ông Nguyễn Tổng Sơn	Thành viên	28/04/2012	14/05/2012
Bà Lê Thị Hồng Lĩnh	Thành viên	14/05/2012	

Ban điều hành, quản lý

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm</u>	<u>Ngày miễn nhiệm</u>
Ông Nguyễn Hoàng Giang	Quyền Tổng Giám đốc	06/10/2010	
Ông Mai Hữu Đạt	Phó Tổng Giám đốc	01/06/2010	01/05/2012
Bà Nguyễn Hà Ninh	Kế toán trưởng	02/01/2009	

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn (A&C) đã soát xét Báo cáo tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 đến ngày 30 tháng 06 năm 2012 của Công ty.

Xác nhận của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập các Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong từng năm tài chính. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc Công ty được yêu cầu phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các phán đoán và các ước tính một cách thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo rằng, Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập Báo cáo tài chính; các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Công ty và Báo cáo tài chính được lập tuân thủ các chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán Công ty Chứng khoán được ban hành theo Thông tư 95/2008/TT – BTC ngày

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VNDIRECT

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

24 tháng 10 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDirect tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2012, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 đến ngày 30 tháng 06 năm 2012, phù hợp với các chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán Công ty Chứng khoán được ban hành theo Thông tư 95/2008/TT – BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc

Quyền Tổng Giám đốc



Nguyễn Hoàng Giang

Ngày 25 tháng 7 năm 2012



**BAKER TILLY
A&C**

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN
AUDITING AND CONSULTING CO., LTD.**



Headquarters : 229 Dong Khoi St., Dist.1, Ho Chi Minh City
Tel: (84.8) 38 272 295 - Fax: (84.8) 38 272 300
Branch in Ha Noi : 40 Giang Vo St., Dong Da Dist., Ha Noi City
Branch in Nha Trang : 18 Tran Khanh Du St., Nha Trang City
Branch in Can Tho : 162C/4 Tran Ngoc Que St., Can Tho City
www.a-c.com.vn

Số: 274/2012/BCTC-KTTV-KT2

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**TỪ NGÀY 01 THÁNG 01 NĂM 2012 ĐẾN NGÀY 30 THÁNG 06 NĂM 2012
CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VNDIRECT**

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VNDIRECT**

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 đến ngày 30 tháng 06 năm 2012 của Công ty Cổ phần Chứng khoán Vndirect gồm: Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2012, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 đến ngày 30 tháng 06 năm 2012, được lập ngày 25 tháng 07 năm 2012, từ trang 06 đến trang 32 kèm theo.

Việc lập và trình Bày báo cáo tài chính giữa niên độ này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra Báo cáo nhận xét về Báo cáo tài chính này dựa trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu, phù hợp với các Chuẩn mực, Chế độ Kế toán Chế độ Kế toán áp dụng đối với Công ty chứng khoán hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Giám đốc



Nguyễn Hoàng Đức

Chứng chỉ kiểm toán viên số: 0368/KTV

Hà Nội, ngày 25 tháng 7 năm 2012

Kiểm toán viên

Phạm Quang Huy

Chứng chỉ kiểm toán viên số: 1409/KTV

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2012

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN		Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)		100		1.930.683.240.433	1.436.799.900.253
I. Tiền và các khoản tương đương tiền		110	V.1	1.130.051.290.466	630.953.770.665
1. Tiền		111		727.151.290.466	357.953.770.665
2. Các khoản tương đương tiền		112		402.900.000.000	273.000.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn		120		291.378.675.599	335.103.322.791
1. Đầu tư ngắn hạn		121	V.2	473.399.806.961	570.045.345.753
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn		129	V.3	(182.021.131.362)	(234.942.022.962)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn		130		506.944.103.477	467.946.017.939
1. Phải thu của khách hàng		131		-	-
2. Trả trước cho người bán		132	V.4	4.310.907.804	1.917.618.825
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn		133		-	-
4. Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán		135	V.5	405.216.790.729	584.184.603.060
5. Các khoản phải thu khác		138	V.6	220.613.818.314	7.536.702.013
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		139	V.7	(123.197.413.370)	(125.692.905.959)
IV. Hàng tồn kho		140		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác		150		2.309.170.891	2.796.788.858
1. Chi phí trả trước ngắn hạn		151	V.8	1.735.321.336	1.784.786.607
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		152		-	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		154		-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu chính phủ		157		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác		158	V.9	573.849.555	1.012.002.251

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VNDIRECT

Mẫu số B01-CTCK

Địa chỉ: Số 1, Nguyễn Thượng Hiền, Nguyễn Du, Hai Bà Trưng, Hà Nội

Ban hành theo thông tư số 95/2008/TT-BTC

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

ngày 24/10/2008 và sửa đổi theo thông tư số

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 đến ngày 30 tháng 06 năm 2012

162/2010/TT-BTC ngày 20/10/2010 của Bộ Tài Chính

Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN (200=210+220+240+250+260)	200		51.702.019.788	51.213.294.484
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		42.077.460.778	43.368.499.083
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.10	9.916.387.325	9.420.220.740
<i>Nguyên giá</i>	222		37.707.024.208	34.483.712.041
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(27.790.636.883)	(25.063.491.301)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	24.494.760.048	25.583.810.372
<i>Nguyên giá</i>	228		37.160.014.151	35.969.683.151
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(12.665.254.103)	(10.385.872.779)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.11	7.666.313.405	8.364.467.971
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
<i>Nguyên giá</i>	241		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	242		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3. Đầu tư chứng khoán dài hạn	253		-	-
<i>- Chứng khoán sẵn sàng để bán</i>	254		-	-
<i>- Chứng khoán nắm giữ đến ngày đáo hạn</i>	255		-	-
4. Đầu tư dài hạn khác	258		-	-
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		-	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		9.624.559.010	7.844.795.401
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.12	1.002.821.994	1.422.164.572
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán	263	V.13	8.444.857.016	6.422.630.829
4. Tài sản dài hạn khác	268		176.880.000	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		1.982.385.260.221	1.488.013.194.737

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VNDIRECT

Mẫu số B01-CTCK

Địa chỉ: Số 1, Nguyễn Thượng Hiền, Nguyễn Du, Hai Bà Trưng, Hà Nội

Ban hành theo thông tư số 95/2008/TT-BTC

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

ngày 24/10/2008 và sửa đổi theo thông tư số

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 đến ngày 30 tháng 06 năm 2012

162/2010/TT-BTC ngày 20/10/2010 của Bộ Tài Chính

Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)

NGUỒN VỐN		Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)		300		883.726.134.572	449.421.004.251
I. Nợ ngắn hạn		310		883.726.134.572	449.421.004.251
1. Vay và nợ ngắn hạn		311		-	-
2. Phải trả người bán		312	V.14	660.603.691	1.508.632.555
3. Người mua trả tiền trước		313		374.200.000	-
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước		314	V.15	938.174.296	373.531.810
5. Phải trả người lao động		315		-	-
6. Chi phí phải trả		316	V.16	16.339.075.998	11.100.386.195
7. Phải trả nội bộ		317		-	-
8. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác		319	V.17	238.328.733.853	108.984.633.563
9. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán		320	V.18	626.467.308.234	327.152.878.628
10. Phải trả hộ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu		321		617.728.500	188.181.500
11. Phải trả tổ chức phát hành chứng khoán		322		310.000	112.760.000
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		323		-	-
13. Giao dịch mua bán lại trái phiếu chính phủ		327		-	-
14. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		328		-	-
15. Dự phòng phải trả ngắn hạn		329		-	-
II. Nợ dài hạn		330		-	-
1. Phải trả dài hạn người bán		331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ		332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác		333		-	-
4. Vay và nợ dài hạn		334		-	-
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả		335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm		336		-	-
7. Dự phòng phải trả dài hạn		337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn		338		-	-
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ		339		-	-
10. Dự phòng bồi thường thiệt hại cho nhà đầu tư		359		-	-
B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410+430)		400		1.098.659.125.649	1.038.592.190.486
I. Vốn chủ sở hữu		410		1.098.659.125.649	1.038.592.190.486
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		411		999.990.000.000	999.990.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần		412		95.000.000.000	95.000.000.000
3. Vốn khác của chủ sở hữu		413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ		414		(3.310.000)	(3.310.000)
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản		415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái		416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển		417		-	-
8. Quỹ dự phòng tài chính		418		32.656.202.831	32.656.202.831
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		420		(28.983.767.182)	(89.050.702.345)
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)		440		1.982.385.260.221	1.488.013.194.737

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Chỉ tiêu	Mã số	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1. Tài sản cố định thuê ngoài	001	-	-
2. Vật tư, chứng chỉ có giá nhận giữ hộ	002	-	-
3. Tài sản nhận ký cược	003	-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý	004	5.287.485.735	5.287.485.735
5. Ngoại tệ các loại	005	-	-
6. Chứng khoán lưu ký	006	2.913.572.550.000	2.864.493.620.000
Trong đó:			
6.1 Chứng khoán giao dịch	007	2.837.813.630.000	2.760.053.520.000
6.1.1 Chứng khoán giao dịch của thành viên lưu ký	008	107.130.650.000	143.718.760.000
6.1.2 Chứng khoán giao dịch của thành viên trong nước	009	2.688.388.450.000	2.585.716.210.000
6.1.3 Chứng khoán giao dịch của khách hàng nước ngoài	010	42.294.530.000	30.618.550.000
6.1.4 Chứng khoán giao dịch của tổ chức khác	011	-	-
6.2 Chứng khoán tạm ngừng giao dịch	012	65.671.920.000	94.353.100.000
6.2.1 Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của thành viên lưu ký	013	3.310.000	50.000.000
6.2.2 Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của khách hàng trong nước	014	65.663.090.000	94.289.000.000
6.2.3 Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của khách hàng nước ngoài	015	5.520.000	14.100.000
6.2.4 Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của tổ chức khác	016	-	-
6.3 Chứng khoán cầm cố	017	10.087.000.000	10.087.000.000
6.3.1 Chứng khoán cầm cố của thành viên lưu ký	018	10.000.000.000	10.000.000.000
6.3.2 Chứng khoán cầm cố của khách hàng trong nước	019	87.000.000	87.000.000
6.3.3 Chứng khoán cầm cố của khách hàng nước ngoài	020	-	-
6.3.4 Chứng khoán cầm cố của tổ chức khác	021	-	-
6.4 Chứng khoán tạm giữ	022	-	-
6.5 Chứng khoán chờ thanh toán	027	-	-
6.6 Chứng khoán phong tỏa chờ rút	032	-	-
6.7 Chứng khoán chờ giao dịch	037	-	-
6.8 Chứng khoán ký quỹ đảm bảo khoản vay	042	-	-
6.9 Chứng khoán sửa lỗi giao dịch	047	-	-
7. Chứng khoán lưu ký công ty đại chúng chưa niêm yết	050	-	-
8. Chứng khoán chưa lưu ký của khách hàng	082	-	-
9. Chứng khoán chưa lưu ký của công ty chứng khoán	083	196.445.790.000	226.668.470.700
10. Chứng khoán nhận ủy thác đầu giá	084	61.991.410.000	61.928.630.000

Kế toán trưởng



Nguyễn Hà Ninh

Lập ngày 25 tháng 07 năm 2012

Quyền Tổng Giám đốc



 Nguyễn Hoàng Giang

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 đến ngày 30 tháng 06 năm 2012

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu	01		147.514.825.129	158.027.519.112
Trong đó:				-
Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán	01.1		38.513.723.731	21.644.850.308
Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn	01.2		4.877.933.927	198.468.747
Doanh thu bảo lãnh phát hành chứng khoán	01.3		-	-
Doanh thu đại lý phát hành chứng khoán	01.4		-	-
Doanh thu hoạt động tư vấn	01.5		355.454.545	460.050.505
Doanh thu lưu ký chứng khoán	01.6		20.250.000	181.590.573
Doanh thu hoạt động uỷ thác đầu giá	01.7		-	-
Doanh thu cho thuê sử dụng tài sản	01.8		-	-
Doanh thu khác	01.9	VI.1	103.747.462.926	135.542.558.979
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh (10-01-02)	10		147.514.825.129	158.027.519.112
4. Chi phí hoạt động kinh doanh	11	VI.2	54.837.929.295	247.805.710.444
5. Lợi nhuận gộp của hoạt động kinh doanh (20-10-11)	20		92.676.895.834	(89.778.191.332)
6. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.3	32.921.030.818	39.693.941.047
7. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30-20-25)	30		59.755.865.016	(129.472.132.379)
8. Thu nhập khác	31		311.785.921	36.149.954
9. Chi phí khác	32		715.774	9.163.850.091
10. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		311.070.147	(9.127.700.137)
11. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		60.066.935.163	(138.599.832.516)
12. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.15	-	2.777.650.444
13. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
14. Lợi nhuận sau thuế TNDN (60=50-51-52)	60		60.066.935.163	(141.377.482.960)
15. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.4	601	(1.414)

Lập ngày 25 tháng 7 năm 2012

Kế toán trưởng

Quyền Tổng Giám đốc



Nguyễn Hà Ninh



 Nguyễn Hoàng Giang

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 đến ngày 30 tháng 06 năm 2012

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		60.066.935.163	(138.599.832.516)
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định	02		5.006.526.906	4.115.734.893
- Các khoản dự phòng	03		(55.416.384.189)	135.469.547.582
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		-	-
- Chi phí lãi vay	06		18.823.982.539	52.872.896.988
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		28.481.060.419	53.858.346.947
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		46.033.758.006	470.293.193.762
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		-	4.894.041
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		430.172.199.766	(746.066.437.581)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		468.807.849	(13.670.993)
- Tiền lãi vay đã trả	13		(14.691.051.984)	(41.817.419.831)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		-	(10.000.000.000)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		490.464.774.056	(273.741.093.654)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(3.715.488.601)	(13.580.890.436)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		12.348.234.346	11.882.581.590
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		8.632.745.745	(1.698.308.846)

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VNDIRECT

Mẫu số B03 - CTCK

Địa chỉ: Số 01 Nguyễn Thượng Hiền, Hai Bà Trưng, Hà Nội

Ban hành theo thông tư số 95/2008/TT-BTC

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

ngày 24/10/2008 và sửa đổi theo thông tư số

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 đến ngày 30 tháng 06 năm 2012

162/2010/TT-BTC ngày 20/10/2010 của Bộ Tài Chính

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Kỳ này	Kỳ trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		-	-
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		-	(150.650.000.000)
5. Tiền chi trả nợ thuế tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		-	(150.650.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		499.097.519.801	(426.089.402.500)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	630.953.770.665	1.144.120.749.064
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	V.1	1.130.051.290.466	718.031.346.564

Kế toán trưởng



Nguyễn Hà Ninh

Lập ngày 25 tháng 07 năm 2012

Quyền Tổng Giám đốc



 Nguyễn Hoàng Giang

BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU
Từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 đến ngày 30 tháng 06 năm 2012

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Số dư đầu năm		Số tăng/ giảm				Số dư cuối kỳ	
	01/01/2011	01/01/2012	Năm 2011		6 tháng đầu năm 2012		31/12/2011	30/06/2012
			Tăng	Giảm	Tăng	Giảm		
A	1	2	3	4	5	6	7	8
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	999.990.000.000	999.990.000.000	-	-	-	-	999.990.000.000	999.990.000.000
Tăng vốn từ nguồn thặng dư vốn cổ								
Chia cổ tức bằng cổ phiếu để tăng vốn								
Tăng vốn bằng tiền								
2. Thặng dư vốn cổ phần	95.000.000.000	95.000.000.000	-	-	-	-	95.000.000.000	95.000.000.000
Tăng vốn từ nguồn thặng dư vốn cổ								
Tăng vốn bằng tiền								
4. Cổ phiếu quỹ	(3.310.000)	(3.310.000)	-	-	-	-	(3.310.000)	(3.310.000)
Mua lại cổ phiếu không phát hành hết								
8. Quỹ dự phòng tài chính	32.656.202.831	32.656.202.831	-	-	-	-	32.656.202.831	32.656.202.831
Trích lập quỹ trong năm								
10. Lợi nhuận chưa phân phối	113.907.425.481	(89.050.702.345)	-	202.958.127.826	60.066.935.163	-	(89.050.702.345)	(28.983.767.182)
Chia cổ tức bằng cổ phiếu để tăng vốn								
Phân phối quỹ								
Lợi nhuận trong năm				202.958.127.826	60.066.935.163	-		
Cộng	1.241.550.318.312	1.038.592.190.486	-	202.958.127.826	60.066.935.163	-	1.038.592.190.486	1.098.659.125.649

Kế toán trưởng

Nguyễn Hà Ninh

Lập ngày 25 tháng 07 năm 2012

Quản lý Tổng Giám đốc

CÔNG TY

CHỨNG KHOÁN

VNDIRECT

Nguyễn Hoàng Giang

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VNDIRECT

Địa chỉ: Số 1, phố Nguyễn Thượng Hiền, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 đến ngày 30 tháng 06 năm 2012

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 đến ngày 30 tháng 06 năm 2012

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. **Hình thức sở hữu vốn** : Công ty Cổ phần
2. **Lĩnh vực kinh doanh** : Kinh doanh Chứng khoán
3. **Hoạt động chính trong năm** : Môi giới chứng khoán, tự doanh chứng khoán, bảo lãnh phát hành chứng khoán, lưu ký chứng khoán và tư vấn đầu tư chứng khoán
4. **Nhân viên**
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2012 có 250 nhân viên đang làm việc tại Công ty (số cuối năm trước là 216 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. **Năm tài chính**
Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12 hàng năm.
2. **Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. **Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**
Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Công ty chứng khoán ban hành kèm theo Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.
2. **Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**
Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Công ty chứng khoán ban hành kèm theo Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính
3. **Hình thức kế toán áp dụng**
Công ty sử dụng hình thức kế toán nhật ký chung trên máy vi tính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. **Cơ sở lập Báo cáo tài chính**
Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).
2. **Tiền và các khoản tương đương tiền**
Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VNDIRECT

Địa chỉ: Số 1, phố Nguyễn Thượng Hiền, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 đến ngày 30 tháng 06 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

3. Nguyên tắc đánh giá tài sản cố định

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ. Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Máy móc và thiết bị	03 – 05
Dụng cụ quản lý	03 – 10
Phần mềm quản lý	03 – 10

4. Đầu tư tài chính

Thông tư số 95/2008/TT-BTC cho phép các Công ty chứng khoán thực hiện hạch toán kế toán các khoản đầu tư chứng khoán theo một trong hai nguyên tắc là giá gốc và giá trị hợp lý. Theo đó, Công ty đã lựa chọn phương pháp giá gốc để ghi nhận các khoản đầu tư chứng khoán.

Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận theo giá gốc. Các khoản cổ tức và trái tức nhận được trong năm được ghi nhận giảm giá vốn chứng khoán đối với khoản lãi dồn tích trước ngày mua và ghi nhận tăng doanh thu đầu tư đối với phần lãi kể từ ngày mua.

Giá vốn chứng khoán bán ra được tính theo phương pháp bình quân gia quyền tức thời.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường thấp hơn giá trị đang hạch toán trên sổ sách. Giá thị trường làm căn cứ xem xét trích lập dự phòng được xác định như sau:

- Đối với chứng khoán đã niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) là giá giao dịch bình quân tại ngày trích lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán đã niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh (HOSE) là giá đóng cửa tại ngày trích lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) là giá giao dịch bình quân trên hệ thống tại ngày trích lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán chưa đăng ký giao dịch ở thị trường giao dịch của các công ty đại chúng là giá trung bình trên cơ sở giá giao dịch do tối thiểu của 3 công ty chứng khoán công bố tại ngày lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán niêm yết bị hủy giao dịch, ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ sáu trở đi là giá trị sổ sách tại ngày lập Bảng cân đối kế toán gần nhất.

Dự phòng cho các khoản đầu tư vào tổ chức kinh tế khác được trích lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VNDIRECT

Địa chỉ: Số 1, phố Nguyễn Thượng Hiền, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 đến ngày 30 tháng 06 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

khi đầu tư) với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế và vốn chủ sở hữu thực có nhân (x) với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế.

Các chứng khoán không có giá tham khảo từ các nguồn trên thì không trích lập dự phòng.

Đầu tư tài chính khác

Các khoản đầu tư tài chính khác được ghi nhận theo giá gốc.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí trong kỳ.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư tài chính vào các tổ chức kinh tế khác được trích lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập tương ứng với tỷ lệ góp vốn của Công ty trong các tổ chức kinh tế này.

5. Các hợp đồng mua lại và bán lại

Những tài sản được bán đồng thời cam kết sẽ mua lại vào một thời điểm nhất định trong tương lai (các hợp đồng mua lại) không được ghi giảm trên Báo cáo tài chính. Khoản tiền nhận được theo các hợp đồng mua lại này được ghi nhận là khoản nợ phải trả trên Bảng cân đối kế toán và phần chênh lệch giữa giá bán và giá cam kết mua lại trong tương lai được ghi nhận là tài sản, hoặc chi phí, chờ kết chuyển và được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong suốt thời gian hiệu lực của hợp đồng mua lại.

Những tài sản được mua đồng thời cam kết sẽ bán lại vào một thời điểm nhất định trong tương lai (các hợp đồng bán lại) không được ghi tăng trên Báo cáo tài chính. Khoản tiền thanh toán theo các hợp đồng bán lại này được ghi nhận là tài sản trên Bảng cân đối kế toán và phần chênh lệch giữa giá mua và giá cam kết bán được ghi nhận là doanh thu, hoặc khoản phải trả, chờ kết chuyển và được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong suốt thời gian hiệu lực của hợp đồng bán lại.

6. Giao dịch mua chứng khoán ký quỹ

Là giao dịch Công ty cho khách hàng mua chứng khoán thấu chi khi tài khoản khách hàng không đủ tiền. Chứng khoán đã mua được sử dụng để thế chấp cho phần thấu chi.

7. Chi phí trả trước

Các khoản chi phí trả trước bao gồm chi phí công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng, chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định được phân bổ vào chi phí trong kỳ theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 02 năm.

8. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các dịch vụ đã sử dụng trong kỳ.

9. Nguồn vốn kinh doanh – quỹ

Nguồn vốn kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.
- Thặng dư vốn cổ phần: chênh lệch do phát hành cổ phiếu cao hơn mệnh giá.

Quỹ dự phòng tài chính được trích lập và sử dụng theo quy định và Điều lệ Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VNDIRECT

Địa chỉ: Số 1, phố Nguyễn Thượng Hiền, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 đến ngày 30 tháng 06 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

10. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp là thuế thu nhập hiện hành, là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

11. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì doanh thu được ghi nhận căn cứ vào tỷ lệ dịch vụ hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính.

Thu nhập từ kinh doanh chứng khoán

Được xác định dựa trên mức chênh lệch giữa giá bán (khi nhận được Thông báo kết quả thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán của Trung tâm Lưu ký chứng khoán) và giá vốn bình quân của chứng khoán.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Riêng cổ tức nhận bằng cổ phiếu hoặc cổ phiếu thưởng không ghi nhận vào thu nhập mà chỉ theo dõi số lượng tăng thêm.

12. Tài sản tài chính

Phân loại tài sản tài chính

Công ty phân loại các tài sản tài chính thành các nhóm: tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Tài sản tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
- Công ty có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VNDIRECT

Địa chỉ: Số 1, phố Nguyễn Thượng Hiền, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 đến ngày 30 tháng 06 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn hoặc các khoản cho vay và phải thu.

Giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản tài chính

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dừng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chí phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

13. **Nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu**

Các công cụ tài chính được phân loại là nợ phải trả tài chính hoặc công cụ vốn chủ sở hữu tại thời điểm ghi nhận ban đầu phù hợp với bản chất và định nghĩa của nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

Nợ phải trả tài chính

Công ty phân loại nợ phải trả tài chính thành các nhóm: nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Nợ phải trả tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được phát hành hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích mua lại trong thời gian ngắn;
- Công ty có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

Các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VNDIRECT

Địa chỉ: Số 1, phố Nguyễn Thượng Hiền, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 đến ngày 30 tháng 06 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Phương pháp lãi suất thực tế là phương pháp tính toán giá trị phân bổ của một hoặc một nhóm nợ phải trả tài chính và phân bổ thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong kỳ có liên quan. Lãi suất thực tế là lãi suất chiết khấu các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại thuần của nợ phải trả tài chính.

Giá trị ghi sổ ban đầu của nợ phải trả tài chính

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ tài chính đó.

Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

Công cụ tài chính phức hợp

Công cụ tài chính phức hợp do Công ty phát hành được phân loại thành các thành phần nợ phải trả và thành phần vốn chủ sở hữu theo nội dung thỏa thuận trong hợp đồng và định nghĩa về nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

Phần vốn chủ sở hữu được xác định là giá trị còn lại của công cụ tài chính sau khi trừ đi giá trị hợp lý của phần nợ phải trả. Giá trị của công cụ phát sinh (như là hợp đồng quyền chọn bán) đi kèm công cụ tài chính phức hợp không thuộc phần vốn chủ sở hữu (như là quyền chọn chuyển đổi vốn chủ sở hữu) được trình bày trong phần nợ phải trả. Tổng giá trị ghi sổ cho các phần nợ phải trả và vốn chủ sở hữu khi ghi nhận ban đầu bằng với giá trị hợp lý của công cụ tài chính.

14. Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

15. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

16. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở thuyết minh số VII.1.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VNDIRECT

Địa chỉ: Số 1, phố Nguyễn Thượng Hiền, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 đến ngày 30 tháng 06 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ**1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền gửi ngân hàng	727.151.290.466	357.953.770.665
Trong đó:		
<i>Tiền gửi của nhà đầu tư</i>	<i>624.843.236.126</i>	<i>256.477.080.825</i>
Các khoản tương đương tiền	402.900.000.000	273.000.000.000
Cộng	<u>1.130.051.290.466</u>	<u>630.953.770.665</u>

2. Đầu tư ngắn hạn*Tình hình nắm giữ chứng khoán ngắn hạn và đầu tư ngắn hạn như sau:*

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Đầu tư cổ phiếu ngắn hạn	425.567.125.630	509.527.149.422
<i>Cổ phiếu niêm yết (*)</i>	<i>157.275.036.640</i>	<i>300.476.372.061</i>
<i>Cổ phiếu chưa niêm yết</i>	<i>268.292.088.990</i>	<i>209.050.777.361</i>
Đầu tư trái phiếu ngắn hạn	-	12.176.000.000
<i>Trái phiếu Công ty</i>	-	<i>12.176.000.000</i>
Đầu tư ngắn hạn khác	47.832.681.331	48.342.196.331
<i>Cho Công ty Cổ phần Địa ốc Minh Ngân vay</i>	<i>42.784.681.331</i>	<i>42.784.681.332</i>
<i>Hợp tác đầu tư</i>	<i>5.048.000.000</i>	<i>5.557.514.999</i>
Cộng	<u>473.399.806.961</u>	<u>570.045.345.753</u>

(*) Trong đó có 24.290 cổ phiếu VND (Cổ phiếu của công ty) do Công ty mua chứng khoán lẻ hoặc mua sửa lỗi giao dịch theo yêu cầu của Trung tâm Lưu ký, số tiền 337.421.221 VND

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VNDIRECT

Địa chỉ: Số 1, phố Nguyễn Thượng Hiền, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
Từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 đến ngày 30 tháng 06 năm 2012 (tiếp theo)

Tình hình đầu tư chứng khoán như sau:

Chi tiêu	Giá trị theo sổ kế toán		Giảm so với giá trị trường		Tổng giá trị theo giá trị trường	
	Cuối kỳ	Đầu năm	Cuối kỳ	Đầu năm	Cuối kỳ	Đầu năm
+ Cổ phiếu	425.567.125.633	509.527.149.422	182.021.131.364	234.942.022.962	245.177.972.382	274.585.126.460
Ngân hàng TMCP An Bình	157.388.867.266	111.956.420.466	38.889.855.466	31.747.521.866	118.499.011.800	80.208.898.600
Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát	177.505	21.541.859.251	-	8.959.254.251	216.000	12.582.605.000
Công ty Cổ phần Sơn Hải Phòng	-	2.958.425.424	-	1.030.131.024	-	1.928.294.400
Công ty Cổ phần Dầu tư và Phát triển hạ tầng Hoàng Thành	110.871.856.029	97.062.900.000	30.418.300.029	-	80.453.556.000	97.062.900.000
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội	346.082.970	3.194.839.231	-	1.492.392.031	484.232.000	1.702.447.200
Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng và Phát triển đô thị Sông Đà	100.928.420.000	100.928.420.000	84.423.050.000	91.962.540.000	16.505.370.000	8.965.880.000
Công ty Cổ phần Dệt may - Đầu tư - Thương mại Thành Công	55.371.158.125	55.370.984.925	28.111.770.025	29.051.718.525	27.259.388.100	26.319.266.400
Công ty Cổ phần Xây dựng số 3	-	97.691.041.542	-	66.789.784.942	-	30.901.256.600
Công ty Cổ phần Ánh Dương Việt Nam	-	17.600.033.387	-	3.341.549.387	-	14.258.484.000
Các mã chứng khoán khác	660.563.735	1.222.225.196	178.155.842	567.130.936	1.976.198.482	655.094.260
+ Trái phiếu Công ty	-	12.176.000.000	-	-	-	12.176.000.000
Trái phiếu BIDV	-	12.176.000.000	-	-	-	12.176.000.000
Tổng cộng	425.567.125.630	521.703.149.422	182.021.131.362	234.942.022.962	245.177.972.382	286.761.126.460

(Chữ ký và đóng dấu)

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VNDIRECT

Địa chỉ: Số 1, phố Nguyễn Thượng Hiền, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 đến ngày 30 tháng 06 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

3. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn

Cổ phiếu	Đã niêm yết	Chưa niêm yết	Cộng
Giá trị theo sổ kế toán	156.872.098.355	268.292.088.990	425.164.187.345
Giá trị theo thị trường	44.164.136.182	198.978.919.800	243.143.055.982
Số phải trích lập dự phòng tại 30/06/2012	112.707.962.173	69.313.169.189	182.021.131.362
Số đã trích tại 31/12/2011	203.189.396.906	31.752.626.056	234.942.022.962
Số hoàn nhập kỳ này	(90.481.434.733)	37.560.543.133	(52.920.891.600)

4. Trả trước cho người bán

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty TNHH Long	3.203.954.600	-
Công ty TNHH Tư vấn quản lý C&A	550.000.000	550.000.000
Công ty TNHH Hệ thống thông tin FPT	192.432.000	192.432.000
Công ty Cổ phần Giải pháp dịch vụ Công nghệ ST	-	583.668.600
Công ty TNHH A.X.I.S	-	100.000.000
Công ty Cổ phần Giải pháp Đông Nam Á	82.263.225	82.263.225
Các đối tượng khác	282.257.979	409.255.000
Cộng	4.310.907.804	1.917.618.825

5. Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Ứng tiền bán chứng khoán cho nhà đầu tư	61.817.878.829	7.840.227.476
Cho nhà đầu tư vay tiền để mua chứng khoán (*)	312.847.098.473	492.091.459.458
Phải thu hoạt động tự doanh chứng khoán	18.395.002.040	78.381.525.907
Phải thu lãi tiền gửi các ngân hàng	11.782.611.387	5.416.190.219
Phải thu các hợp đồng mua bán lại chứng khoán	-	455.200.000
Các khoản phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán khác	374.200.000	-
Cộng	405.216.790.729	584.184.603.060

(*) Công ty có quy định về thẩm quyền quyết định cho vay, danh mục các chứng khoán được sử dụng để vay và tỷ lệ biên tương ứng. Thực tế, công ty có chế độ ưu đãi về tỷ lệ biên với các khách hàng lớn. Các quy trình, thủ tục cho phép vay, việc quản lý giám sát đều được thực hiện trên hệ thống phần mềm.

6. Các khoản phải thu khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải thu về cho cán bộ nhân viên vay vốn	1.887.800.000	1.887.800.000
Lãi cho cán bộ nhân viên vay vốn	75.975.333	75.975.333
Phải thu tiền ủy thác quản lý vốn	217.787.000.002	-
Phải thu về dự án IPA	-	287.578.273
Phải thu khác	863.042.979	5.285.348.407
Cộng	220.613.818.314	7.536.702.013

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VNDIRECT

Địa chỉ: Số 1, phố Nguyễn Thượng Hiền, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 đến ngày 30 tháng 06 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**7. Dự phòng nợ phải thu khó đòi**

Là dự phòng cho các khoản nợ khó có khả năng thu hồi. Tình hình biến động dự phòng phải thu khó đòi như sau:

	Kỳ này
Số đầu năm	125.692.905.959
Trích lập dự phòng bổ sung	8.363.747.944
Hoàn nhập dự phòng	10.859.240.533
Số cuối kỳ	123.197.413.370

8. Chi phí trả trước ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
CCDC, đồ dùng văn phòng	347.889.494	507.279.950
Chi phí sửa chữa văn phòng	1.387.431.842	1.277.506.657
Cộng	1.735.321.336	1.784.786.607

9. Tài sản ngắn hạn khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tạm ứng	221.032.089	147.010.821
Cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	352.817.466	864.991.430
Cộng	573.849.555	1.012.002.251

10. Tài sản cố định

	Máy móc và thiết bị	Dụng cụ quản lý	Cộng TSCĐ hữu hình	TSCĐ vô hình
Nguyên giá				
Số đầu năm	10.562.794.997	23.920.917.044	34.483.712.041	35.969.683.151
Mua sắm mới	2.819.206.566	404.105.601	3.223.312.167	1.190.331.000
Số cuối kỳ	13.382.001.563	24.325.022.645	37.707.024.208	37.160.014.151
Giá trị hao mòn				
Số đầu năm	4.764.784.985	20.298.706.316	25.063.491.301	10.385.872.779
Khấu hao trong kỳ	1.473.320.987	1.253.824.595	2.727.145.582	2.279.381.324
Số cuối kỳ	6.238.105.972	21.552.530.911	27.790.636.883	12.665.254.103
Giá trị còn lại				
Số đầu năm	5.798.010.012	3.622.210.728	9.420.220.740	25.583.810.372
Số cuối kỳ	7.143.895.591	2.772.491.734	9.916.387.325	24.494.760.048

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VNDIRECT

Địa chỉ: Số 1, phố Nguyễn Thượng Hiền, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 đến ngày 30 tháng 06 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong kỳ	Kết chuyển tăng TSCĐ trong kỳ	Số cuối kỳ
Phần mềm cho mạng xã hội "Vndirect community"	200.255.150	-	-	200.255.150
Phần mềm đặt lệnh	6.595.385.443	-	-	6.595.385.443
Thiết kế xây dựng tòa nhà CN HCM	-	808.000.000	-	808.000.000
Lắp đặt hệ thống chuyển mạch trung tâm (Core Switch)	1.506.154.566	-	1.506.154.566	-
Phần mềm cho sàn giao dịch chứng khoán ảo Vndirect	62.672.812	-	-	62.672.812
Số cuối kỳ	8.364.467.971	808.000.000	1.506.154.566	7.666.313.405

12. Chi phí trả trước dài hạn

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong kỳ	Kết chuyển vào chi phí trong kỳ	Số cuối kỳ
Chi phí CCDC, đồ dùng văn phòng	737.294.851	418.913.055	344.702.788	811.505.118
Chi phí sửa chữa tài sản	684.869.721	-	493.552.845	191.316.876
Số cuối kỳ	1.422.164.572	418.913.055	838.255.633	1.002.821.994

13. Tiền nộp quỹ hỗ trợ thanh toán

	Kỳ này
Tiền nộp ban đầu	120.000.000
Tiền nộp bổ sung hàng năm	8.324.857.016
Số cuối kỳ	8.444.857.016

14. Phải trả người bán

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư IPA	615.603.691	999.225.422
Công ty Cổ phần Công nghệ Sao Bắc Đẩu	-	455.980.516
Các đối tượng khác	45.000.000	53.426.617
Cộng	660.603.691	1.508.632.555

15. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	Số cuối kỳ
Thuế GTGT hàng bán nội địa	506.592	70.016.695	(70.135.978)	387.309
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-	-	-
Thuế thu nhập cá nhân của CBCNV	131.422.941	1.638.336.781	(1.441.827.828)	327.931.894
Thuế thu nhập cá nhân của nhà đầu tư	241.602.277	4.597.048.071	(4.228.795.255)	609.855.093
Thuế môn bài	-	5.000.000	5.000.000	-
Cộng	373.531.810	6.310.401.547	(5.745.759.061)	938.174.296

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VNDIRECT

Địa chỉ: Số 1, phố Nguyễn Thượng Hiền, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 đến ngày 30 tháng 06 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**Thuế giá trị gia tăng**

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Các hoạt động môi giới chứng khoán, tự doanh chứng khoán, quản lý danh mục đầu tư, tư vấn đầu tư chứng khoán, ứng trước tiền bán và cho vay mua chứng khoán không thuộc diện chịu thuế giá trị gia tăng. Các hoạt động khác chịu thuế giá trị gia tăng với mức thuế suất thuế là 10%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 25%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ được dự tính như sau:

	Kỳ này
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	60.066.935.163
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:	
- Các khoản điều chỉnh tăng (Dự phòng nợ phải thu khó đòi)	8.363.747.944
- Các khoản điều chỉnh giảm (Cổ tức, lợi nhuận được chia)	(23.207.474.879)
+ Cổ tức, lợi nhuận được chia	(12.348.234.346)
+ Hoàn nhập dự phòng nợ phải thu khó đòi năm trước	(10.859.240.533)
Thu nhập chịu thuế	45.223.208.228
Số lỗ chuyển kỳ này	(45.223.208.228)
Thu nhập tính thuế	-
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	25%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp dự tính phải nộp	-

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

16. Chi phí phải trả

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí lãi vay, repo cổ phiếu	14.560.555.550	10.427.624.995
Hoa hồng môi giới	821.922.802	251.394.366
Phí giao dịch phải trả Sở Giao dịch Chứng khoán Hồ Chí Minh	411.317.954	162.559.246
Phí giao dịch phải trả Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội	397.905.578	211.618.579
Phí giao dịch phải trả các đại lý nhận lệnh	147.374.114	47.189.009
Cộng	16.339.075.998	11.100.386.195

17. Phải trả, phải nộp khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Kinh phí công đoàn	161.700.535	100.709.040
BHXH, BHYT phải nộp	-	22.986.895
Tiền đặt cọc hợp đồng môi giới mua trái phiếu	236.999.500.000	106.510.554.658
Phải trả nhà ủy thác đầu tư tiền bán chứng khoán	135.952.139	135.952.139
Các khoản phải trả khác	1.031.572.189	2.214.430.831
Cộng	238.328.733.853	108.984.633.563

18. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán

Là các khoản tiền gửi của nhà đầu tư dùng để thanh toán giao dịch chứng khoán

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VNDIRECT

Địa chỉ: Số 1, phố Nguyễn Thượng Hiền, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 đến ngày 30 tháng 06 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ**1. Doanh thu khác**

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Thu lãi tiền gửi có kỳ hạn; không kỳ hạn	60.410.123.508	65.614.719.192
Cổ tức	12.348.234.346	7.679.016.051
Doanh thu ứng trước tiền bán	6.427.188.707	5.528.771.550
Doanh thu bảo lãnh tiền mua	24.360.357.889	56.125.847.912
Doanh thu dịch vụ khác	201.558.476	594.204.274
Cộng	103.747.462.926	135.542.558.979

2. Chi phí hoạt động kinh doanh

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí môi giới chứng khoán	19.214.462.443	9.114.680.452
Chi phí hoạt động tự doanh chứng khoán	15.608.317.394	136.263.435.991
Chi phí dự phòng	-	49.554.697.013
Chi phí sử dụng vốn	18.823.982.539	52.872.896.988
Chi phí trực tiếp kinh doanh khác	1.191.166.919	-
Cộng	54.837.929.295	247.805.710.444

3. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên	16.796.825.205	18.635.030.400
Chi phí khấu hao TSCĐ	5.006.526.906	4.115.734.893
Thuế, phí, lệ phí	34.777.748	156.233.078
Chi phí dịch vụ mua ngoài	11.082.900.959	12.136.382.673
Chi phí bằng tiền khác	-	4.650.560.003
Cộng	32.921.030.818	39.693.941.047

4. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60.066.935.163	(141.377.482.960)
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	60.066.935.163	(141.377.482.960)
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	99.965.933	99.998.669
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	601	(1.414)

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VNDIRECT

Địa chỉ: Số 1, phố Nguyễn Thượng Hiền, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 đến ngày 30 tháng 06 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ được tính như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	99.998.669	99.998.669
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông mua lại	(44.007)	-
Ảnh hưởng của việc bán đi 20.000 Cổ phiếu ngày 20/3/2012	11.271	-
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	99.965.933	99.998.669

5. Thu nhập của nhân viên

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Tổng quỹ tiền lương	16.796.825.205	18.730.710.756
Tổng quỹ tiền thưởng	-	-
Tổng thu nhập	16.796.825.205	18.730.710.756
Tổng số cán bộ nhân viên	250	237
Tiền lương bình quân/tháng	11.197.883	13.172.089
Tổng thu nhập bình quân/tháng	11.197.883	13.172.089

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VNDIRECT

Địa chỉ: Số 1, phố Nguyễn Thượng Hiền, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 đến ngày 30 tháng 06 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC****1. Giao dịch với các bên liên quan****1.1. Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan**

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, công nợ với Ông Vũ Hiền như sau:

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công nợ phải thu	-	448.376.000

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Thu nhập	1.081.645.455	1.484.033.333

1.2. Giao dịch với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư IPA	Có đại diện trong HĐQT

Các nghiệp vụ phát sinh trong kỳ và công nợ tại ngày kết thúc kỳ kế toán với Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư IPA như sau:

Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư IPA (IPA)

	<u>Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này</u>	
	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
IPA thu phí thuê nhà, chi phí văn phòng, chi phí điện nước	3.469.451.919	3.667.577.150
Thanh toán tiền cho IPA	(3.853.073.650)	(179.956.089.461)

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công nợ		
Phải trả các khoản phí văn phòng khác	615.603.691	999.225.422
Tiền gửi tài khoản giao dịch chứng khoán	4.490.253.041	17.267.482.668
Công nợ phải trả	5.030.856.732	18.266.708.090

2. Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh.

Lĩnh vực kinh doanh:

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính như sau:

- Lĩnh vực môi giới: Là các hoạt động về môi giới mua bán chứng khoán cho nhà đầu tư
- Lĩnh vực tự doanh: Là các hoạt động mua bán chứng khoán trên thị trường của Công ty.
- Lĩnh vực kinh doanh vốn: Chủ yếu là thu lãi từ việc cho nhà đầu tư ứng trước tiền bán và mua chứng khoán ký quỹ, lãi tiền gửi của tổ chức tại các ngân hàng.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VNDIRECT

Địa chỉ: Số 1, phố Nguyễn Thượng Hiền, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 đến ngày 30 tháng 06 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty được trình bày tại Phụ lục số 01 từ trang 31 đến trang 32 đính kèm.

Thông tin bộ phận theo khu vực địa lý:

Toàn bộ hoạt động của Công ty chỉ diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.

3. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

	Giá trị sổ sách		Giá trị hợp lý	
	Số cuối kỳ	Số đầu năm	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.130.051.290.466	630.953.770.665	1.130.051.290.466	630.953.770.665
Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	291.378.675.599	286.761.126.460	291.378.675.599	286.761.126.460
Phải thu khách hàng	282.019.377.359	458.491.697.101	282.019.377.359	458.491.697.101
Các khoản cho vay	42.784.681.332	42.784.681.332	42.784.681.332	42.784.681.332
Các khoản phải thu khác	97.990.254.499	8.548.704.264	97.990.254.499	8.548.704.264
Cộng	1.844.224.279.255	1.427.539.979.822	1.844.224.279.255	1.427.539.979.822
Nợ phải trả tài chính				
Phải trả người bán	627.127.911.925	328.661.511.183	627.127.911.925	328.661.511.183
Các khoản phải trả khác	251.798.396.155	120.085.019.759	251.798.396.155	120.085.019.759
Cộng	878.926.308.080	448.746.530.942	878.926.308.080	448.746.530.942

4. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu từ hoạt động giao dịch chứng khoán) và hoạt động tài chính (tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

Phải thu từ hoạt động giao dịch chứng khoán

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt, yêu cầu mở thư tín dụng đối với các đơn vị giao dịch lần đầu hay chưa có thông tin về khả năng tài chính và nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Toàn bộ tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Các khoản cho vay

Công ty đánh giá các khoản cho vay này đều trong hạn và không bị suy giảm vì liên quan đến các đơn vị có uy tín và có khả năng thanh toán tốt.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VNDIRECT

Địa chỉ: Số 1, phố Nguyễn Thượng Hiền, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 đến ngày 30 tháng 06 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

5. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm cao nhất trong quản lý rủi ro thanh khoản. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp và các khoản vay ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng nhu cầu hoạt động của Công ty nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

6. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác.

Các phân tích về độ nhạy trình bày dưới đây được lập trên cơ sở giá trị các khoản nợ thuần, tỷ lệ giữa các khoản nợ có lãi suất cố định và các khoản nợ có lãi suất thả nổi là không thay đổi.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn, cho vay.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để có được các lãi suất có lợi nhất và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Rủi ro về giá khác

Rủi ro về giá khác là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái.

Các cổ phiếu do Công ty nắm giữ có thể bị ảnh hưởng bởi các rủi ro về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư và đa dạng hóa danh mục đầu tư.

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2012, giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết của công ty là 46.199.013.382 VND. Nếu giá cả các cổ phiếu tăng/giảm 2% thì lợi nhuận sau thuế của công ty sẽ tăng/giảm khoảng 692.985.201 VND

Kế toán trưởng



Nguyễn Hà Ninh

Lập ngày 25 tháng 7 năm 2012

Quyền Tổng Giám đốc



Nguyễn Hoàng Giang

Địa chỉ: Số 01 Nguyễn Thượng Hiền, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, TP Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 đến ngày 30 tháng 06 năm 2012

Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Phụ lục số 01

Đơn vị tính: VND

Kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh:

Kỳ này	Kinh doanh nguồn vốn				Cộng
	Mới giới	Tự doanh	Khác		
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	38.513.723.731	4.877.933.927	577.263.021		147.514.825.129
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	-	-		-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	38.513.723.731	4.877.933.927	577.263.021		147.514.825.129
Chi phí bộ phận					
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	19.214.462.443	15.608.317.394	1.191.166.919		54.837.929.295
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận	19.299.261.288	(10.730.383.467)	(613.903.898)		92.676.895.834
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh					(32.921.030.818)
Thu nhập khác					59.755.865.016
Chi phí khác					311.785.921
Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết, liên doanh					(715.774)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành					-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại					-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp					
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác					60.066.935.163
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn					6.197.225.953
	762.778.667	96.609.301	11.432.909		2.921.586.144

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VNDS

Địa chỉ: Số 01 Nguyễn Thượng Hiền, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, TP Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 đến ngày 30 tháng 06 năm 2012

Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Phụ lục số 01

Đơn vị tính: VND

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh:

	Môi giới	Tự doanh	Kinh doanh nguồn vốn	Khác	Cộng
Số cuối kỳ					
phần	517.568.577.760	65.552.355.899	1.391.506.748.955	7.757.577.607	1.982.385.260.221
Tài sản phân bổ cho bộ phận	-	-	-	-	-
Các tài sản không phân bổ theo bộ phần					
Tổng tài sản					1.982.385.260.221
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	230.726.533.221	29.222.538.753	620.318.817.518	3.458.245.080	883.726.134.572
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận	-	-	-	-	-
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phần					
Tổng nợ phải trả					883.726.134.572
Số đầu năm					
Tài sản trực tiếp của bộ phận	388.496.064.989	49.204.749.693	1.044.489.406.050	5.822.974.005	1.488.013.194.737
Tài sản phân bổ cho bộ phận	-	-	-	-	-
Các tài sản không phân bổ theo bộ phần					
Tổng tài sản					1.488.013.194.737
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	117.336.521.136	14.861.190.814	315.464.593.632	1.758.698.668	449.421.004.251
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận	-	-	-	-	-
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phần					
Tổng nợ phải trả					449.421.004.251